

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 01 - 2025

V/v: Ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Mậu và ông Nguyễn Xuân Thí

Thư ký Tòa án: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sáng – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa công khai xét xử vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 33/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn và nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 472/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: /QĐST-HNGĐ, ngày 09/12/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1997

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Hiện cư trú tại: số F ngõ C, đoạn B đường Q, quận P, thành phố Đ, Đài Loan (Trung Quốc), có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Ngô Tấn L1 – Luật sư thuộc Văn phòng L3 – Đoàn luật sư tỉnh Q, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Hiện cư trú tại: G S, N, ON M3N 1S7, Canada; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1980 (là mẹ đẻ của chị L); địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Thân nhân của anh Nguyễn Văn T: Bà Đỗ Thị L2, sinh năm 1956 (là mẹ đẻ của anh T); địa chỉ: thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, Bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 20/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là xã H), huyện B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được thời gian đầu và sinh được 01 đứa con gái. Tuy nhiên, cuộc sống hạnh phúc không được bao lâu thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, xung đột cãi vã dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Sau đó vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm, không còn quan tâm đến nhau nữa. Hiện tại chị L thấy tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, cuộc hôn nhân không có khả năng hàn gắn, không ai còn quan tâm đến cuộc sống chung nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung tên là Nguyễn Thị Thúy H, sinh ngày 04/8/2015. Nguyên vọng của chị L sau khi ly hôn là muốn được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T hiện đang làm việc và cư trú tại Canada: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T.

Tại các bản tự khai ngày 22/5/2024 và ngày 14/9/2024, anh T viết và gửi về từ Canada: anh T và chị L sau thời gian tìm hiểu và đi đến kết hôn ngày 20/10/2015 tại UBND xã P (nay là xã H), huyện B, tỉnh Quảng Bình. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau và sinh được 01 đứa con gái vào năm 2015. Tuy nhiên, sau đó giữa vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân, hiện tại mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: có 01 đứa Nguyễn Thị Thúy H, sinh ngày 04/8/2015, anh T đề nghị giao con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và anh tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Đỗ Thị L2 là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn T trình bày tại Bản tự khai có chứng thực của UBND xã H, huyện B (BL số 36, 37): Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị L kết hôn với nhau vào ngày 20/10/2015 tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Thời gian đầu mới kết hôn hai con chung sống hạnh phúc và sinh được 01 đứa con gái. Nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, khiến cho đời sống vợ chồng không mấy hạnh phúc, hai đứa đã ly thân nhiều năm, hiện không còn liên lạc với nhau nữa. Sau đó anh T đi xuất khẩu lao động tại Canada đến nay vẫn chưa về nước nhưng anh T vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình qua số điện thoại: (+1) 4375330037. Gần đây bà được biết con dâu Nguyễn Thị L làm đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T, bà đã gọi điện báo cho

anh T biết. Anh T cho biết cũng đồng ý ly hôn nhưng do hiện nay đang lao động tại Canada nên không thể về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn với chị L được. Sau khi ly hôn anh T đồng ý giao con cho chị L nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con anh T đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đảm bảo đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn;

Về nội dung: Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T, về con chung giao cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, buộc anh T cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng; đương sự chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Công văn số 775/CV-QLXNC, ngày 19/3/2024 của Phòng Q - Công an tỉnh Q thì chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 09/9/1997 đã xuất cảnh ngày 17/6/2022 qua SBQT Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam và anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 04/4/1994 đã xuất cảnh ra ngày 13/7/2020 qua SBQT Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Tại đơn xin ly hôn, đơn trình bày, bản tự khai và các văn bản của chị Nguyễn Thị L có chứng thực của Văn phòng K tại Đ. Như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo phương thức tổng đạt đến Cơ quan Đ tại Canada để tổng đạt và thu thập chứng cứ đối với anh Nguyễn Văn T theo quy định tại khoản 1 Điều 474, Điều 475 Bộ luật Tố tụng dân sự và anh Nguyễn Văn T đã gửi bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng tại UBND xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Tòa án cũng đã thông báo cho anh T biết việc Tòa án thụ lý vụ án ly hôn, thời gian mở phiên họp, hòa giải và thời gian mở phiên tòa.

Chị Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt; Bà Đỗ Thị L2 (mẹ đẻ anh L1) và bà Nguyễn Thị T1 (mẹ đẻ chị L) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, điểm b, c khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Hội đồng xét xử xét thấy chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là xã H), huyện B, Quảng Bình nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo như chị L trình bày, quá trình chung sống với nhau hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và hiện nay cả anh T và chị L đều đang ở nước ngoài, hai bên không quan tâm đến nhau. Chị L khẳng định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn, anh T cũng xác nhận vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nên cũng đồng ý ly hôn, bà Đỗ Thị L2 (mẹ đẻ của anh T) cũng xác nhận vợ chồng chị L anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Xét thấy, đời sống chung của vợ chồng chị L và anh T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[2.2]. *Về quan hệ con chung*: Vợ chồng có một con chung tên là Nguyễn Thị Thúy H, sinh ngày 04/8/2015 hiện đang ở với bà Nguyễn Thị T1 (mẹ đẻ chị L). Chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con. Xét thấy nguyện vọng của chị L là phù hợp nên giao cháu H cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu H và phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tạm thời trước mắt chị L đang ở nước ngoài nên giao cháu H cho bà T1 (mẹ đẻ chị T1) chăm sóc, nuôi dưỡng, sau này chị L về Việt Nam bà T1 có trách nhiệm giao cháu H lại cho chị L nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng và trình bày của anh T cũng đồng ý nên căn buộc anh T cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

[2.3]. *Về quan hệ tài sản, nợ chung*: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về án phí, lệ phí tổng đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài, lệ phí giám định, lệ phí đăng tin trên VOV5*: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp và 5.518.000 đồng lệ phí tổng đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài, lệ phí giám định, lệ phí đăng tin trên VOV5 (chị L đã nộp đủ lệ phí tại Tòa án); Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153; các Điều 227, 228, Điều 469, 474, 475; khoản 5 Điều 477; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cháu Nguyễn Thị Thúy H, sinh ngày 04/8/2015 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời trước mắt giao cháu H cho bà Nguyễn Thị T1 (mẹ đẻ chị L) nuôi dưỡng, khi nào chị L về Việt Nam thì bà T1 có trách nhiệm giao cháu H cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh T có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ tháng 01/2025 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các đương sự đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Về chia tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét.

4. *Về án phí, lệ phí*: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số **0004822 ngày 01/3/2024** của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (ông Ngô Tân L1 nộp thay chị L).

Chị L phải chịu 5.518.000 đồng tiền lệ phí tổng đạt văn bản tố tụng, lệ phí giám định và đăng thông tin trên VOV5 (đã nộp đủ tại Tòa án).

5. *Án sơ thẩm xử công khai*, chị L và anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã Hải Phú, H. Bố Trạch;
- Lưu hồ sơ, Tòa DS, VP, Lưu án văn.

đã ký

Nguyễn Thái Sơn